

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/ DS - ST

Ngày: 30-7- 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Vân

2. Bà Trịnh Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dân- Thư ký Tòa án nhân dân h. Hoàng Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa không tham gia phiên tòa:

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST- DS, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST- DS, ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1978. có mặt

Địa chỉ: thôn H, xã Hoàng Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1974. Vắng mặt

Địa chỉ: Phố S, thị Trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Phạm Thị Th. Bị đơn chị Trịnh Thị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Phạm Thị Th trình bày:

Do có mối quan hệ anh em họ trong nhà nên đến năm 2019 tôi có cho chị T vay số tiền 230.000.000đồng(Hai trăm ba mươi triệu đồng), hai bên chốt nợ là ngày 14/3/2019, hai bên thỏa thuận trong năm 2019 sẽ trả cho tôi số tiền 60.000.000đồng nhưng đến hạn chị T vẫn không trả cho tôi được đồng nào. Đến ngày 20/4/2020 bà Nhung mẹ chồng chị T đã trả cho tôi được 20.000.000đồng.

Nay tôi yêu cầu buộc chị T phải trả cho tôi toàn bộ số tiền 210.000.000đồng(Hai trăm mười triệu đồng) làm một lần.

Đối với tiền lãi xuất: Tôi đề nghị Tòa án tính lãi từ ngày 14/3/2019 cho đến nay theo lãi xuất 10%/năm.

Tại lời khai ngày 08/5/2020 của bà Trịnh Thị T - bị đơn trình bày:

Chị Trịnh Thị T thừa nhận có nợ chị Th số tiền 130.000.000đồng(Một trăm ba mươi triệu đồng), chị đã trả được cho chị Th 28.000.000đồng(Hai mươi tám triệu đồng), khoảng thời gian 2018 cô Giang đã trả hộ tôi 20.000.000đồng(Hai mươi triệu đồng) và 8.000.000đ(Tám triệu đồng) tôi trả cho cô Thu là: 28.000.000 đồng(Hai mươi tám triệu đồng).

Đến ngày 20/4/2020 tôi đã trả cho cô Th là 20.000.000đồng. Do tôi bận đi làm nên tôi có gửi mẹ chồng tôi là bà Lê Thị Nhung trả giúp. Tổng số tiền tôi còn nợ chị Th là 82.000.000đồng(Tám mươi hai triệu đồng), còn số tiền 230.000.000đồng là do chị Th bắt ép tôi viết thực tế là không đúng. Đối với số tiền tôi nợ 82.000.000đồng(Tám mươi hai triệu đồng) tôi sẽ trả dần cho chị Th và miễn tiền lãi.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Th không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay (tiền) là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản(tiền) giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Th và bị đơn là chị Trịnh Thị T có hộ khẩu tại Phố Vinh Sơn, thị Trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy đây thuộc loại việc được quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hoàng Hóa.

[2]. Về nội dung: Chị Phạm Thị Th yêu cầu chị Trịnh Thị T trả số tiền là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) cho chị.

Xét yêu cầu của chị Thu: Hội đồng xét xử xét thấy trong Giấy vay tiền thì chị T có nợ chị 230.000.000đồng ngày 14/3/2019 và chị Th có thừa nhận bà Nhung đã trả hộ cho chị T 20.000.000đồng. Như vậy chị T còn nợ chị là: 210.000.000đồng(Hai trăm mười triệu). Yêu cầu của chị Th đề nghị Tòa án buộc chị T phải trả toàn bộ số tiền nợ cho chị một lần cùng với số tiền lãi theo mức lãi suất 10% /năm tính từ 14/3/2019 cho đến nay, là có căn cứ, đúng quy

định của pháp luật cần chấp nhận yêu cầu của chị Th. Buộc chị T phải trả cho chị số tiền vay là 210.000.000đồng.

Do đó không có căn cứ để miễn tiền lãi cũng như không có căn cứ để chấp nhận phương án trả nợ dần của chị Trịnh Thị T.

Xét về lời nại của chị T về việc chị đã vay của chị Th tiền nhưng không thừa nhận số tiền vay, nhưng quá trình làm việc chị cũng không xuất trình được bất cứ giấy tờ gì chứng minh về việc chị còn nợ chị Th số tiền 82.000.000đồng. Do đó yêu cầu của chị T là không có cơ sở.

Buộc chị Trịnh Thị T phải thanh toán cả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của chị Th như đã nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo đó, chị Trịnh Thị T phải thanh toán cho chị Thu số tiền lãi phát sinh từ ngày 14/3/2019 đến ngày mở phiên tòa hôm nay là 16 tháng 16 ngày trên số tiền gốc là 210.000.000đ. Cụ thể số tiền lãi là:

$$\frac{210.000.000 \times 10\% \times 16 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} (496 \text{ ngày})}{365} \\ = 28.536.000.000đ$$

Như vậy, tổng số tiền bà Tơ phải thanh toán cho chị Th là:

+ Tiền nợ gốc: 210.000.000đ + Tiền lãi 28.536.000đ = Tổng cộng: 238.536.000đ (Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng) .

[3]. Về án phí: Bà Trịnh Thị T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của chị Th được Tòa án chấp nhận có giá ngạch; Chị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th .

Buộc chị Trịnh Thị T phải trả cho chị Phạm Thị Th số tiền là: 238.536.000đ (Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng) .

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 11.926.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị Phạm Thị Th không phải chịu án phí dân sự. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà chị Phạm Thị Th là 5.250.000đồng(Năm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009850 ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trịnh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phương

